TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2023/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 17 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:60/2023/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **T. T. T**, sinh năm: 1994;

Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh E.

- Bị đơn: Anh **N. Q. Đ**, sinh năm: 1991;

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81,82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T. T. T và anh N. Q. Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T. T. T và anh N. Q. Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung:

Chị T. T. T và anh N. Q. Đ thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn như sau:

Anh N. Q. Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu: N. A. V, sinh ngày:

05/11/2013 và cháu: N. T. L. N, sinh ngày 05/02/2018. Hai bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở;

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Các đương sự không tranh chấp chia tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Án phí DSST:

Chị T. T. T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0011864 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B hoàn trả 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho chị T. T. T theo biên lai thu tạm ứng nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã M, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

P. L. L